TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 943/2020/QĐST-DS	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 292/DSST ngày 27 tháng 4 năm 2018 về "Tranh chấp quyền sở hữu tài sản";

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông LQKQ, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 23/2 ĐTH, Phường 3, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

1/ Ông VĐL, sinh năm 1979.

2/ Bà NTBV, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Số 287/70C ADL, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông ĐTL, sinh năm 1964. (Theo Giấy ủy quyền số 3576 ngày 23/5/2018 và 3431 ngày 17/5/2018 cùng của Văn phòng Công chứng Thủ Dầu Một)

Địa chỉ: 315 chung cư 548 PVD, Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Công ty Cổ phần Đầu tư X (DRH).

Địa chỉ: Tầng 9 Tòa nhà Central Park, 117 ND, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông NTN, sinh năm 1982 (Theo Giấy ủy quyền ngày 23/05/2018).

2/ Ông DNH (DNH), sinh năm 1983.

Địa chỉ: Căn hộ 3B-2013, chung cư Estella, XLHN, phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà LTKC, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số 142 Bùi Thị Xuân, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của ông H, bà Ch: Ông NVH, sinh năm 1959. (Theo Giấy ủy quyền số 10742 và 10743 cùng ngày 04/7/2018 được lập tại Văn phòng Công chứng Quận 10).

Địa chỉ: Số 189 Lê Văn Sỹ, Phường 14, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Ông PTĐ.

Địa chỉ: Tầng 9 Tòa nhà Central Park, 117 ND, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông NTN, sinh năm 1982 (Theo Giấy ủy quyền số 000902 ngày 18/3/2019 lập tại Văn phòng Công chứng Văn Thị Mỹ Đức)

5/ Công ty Cổ phần Y

Địa chỉ: Thửa đất 254, tờ bản đồ số 16, khu phố Tân Bình, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông ĐTL, sinh năm 1964 (Theo Giấy ủy quyền ngày 10/3/2020)

Địa chỉ: 315 chung cư 548 PVD, Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1] Ông LQKQ đồng ý trả lại cho bà NTBV và ông VĐL số tiền còn thiếu là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) và tiền lãi phát sinh, công sức đứng tên trên toàn bộ cổ phần là 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) do bà V, ông L đã mua, đã trả tiền và đứng tên dùm ông Q đối với 03 triệu cổ phần DRH do Công ty Cổ phần Đầu tư X phát hành riêng lẻ vào năm 2016.

[2] Bà NTBV, ông VĐL có trách nhiệm sang tên cho ông LQKQ 03 triệu cổ phần DRH do Công ty Cổ phần Đầu tư X phát hành riêng lẻ và 600.000 cổ tức phát sinh từ cổ phiếu từ thời điểm mua cho đến ngày bà V, ông L thực hiện việc giao trả cổ phần cho ông Q (trong đó bao gồm bà NTBV đăng ký mua 1,8 triệu cổ phần DRH và 360.000 cổ tức phát sinh; ông VĐL đăng ký mua 1,2 triệu cổ phần DRH và 240.000 cổ tức phát sinh).

[3] Để thực hiện nội dung thỏa thuận 1 và 2 nêu trên, ông LQKQ và ông

ĐTL đã thỏa thuận tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Thủ Thiêm theo các Biên bản thống nhất phương thức thanh toán đề ngày 06/5/2020; Văn bản sửa đổi, bổ sung Biên bản thống nhất phương thức thanh toán ngày 29/6/2020 và Văn bản cam kết ngày 29/6/2020 trong đó thỏa thuận Ngân hàng sẽ phong tỏa số tiền 2.800.000.000 (hai tỷ tám trăm triệu) đồng trên tài khoản số 166.100.00531933 của ông LQKQ nhằm đảm bảo cho việc chuyển tên Cổ phần giữa bên ông Q với bên ông L, bà V, thời hạn phong tỏa đến ngày 27/7/2020.

[4] Hình thức thực hiện thỏa thuận:

4.1 Bên ông L, bà V có trách nhiệm thực hiện các thủ tục chuyển tên cổ phần cho ông Q theo quy định pháp luật hạn chót ngày 27/7/2020, ngay sau khi hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan đến việc chuyển tên cổ phần cho ông Q theo quy định pháp luật thì Ngân hàng sẽ thực hiện giải phong tỏa tài khoản phong tỏa với số tiền 2.800.000.000 (hai tỷ tám trăm triệu) đồng của ông Q mở tại Ngân hàng và chuyển trả số tiền nói trên đến số tài khoản số 65310000067518 của bà NTBV mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Thủ Dầu Một.

4.2 Trường hợp đến hết ngày 27/7/2020 nếu ông L, bà V chưa thực hiện thủ tục chuyển tên cổ phần cho ông Q theo quy định pháp luật thì ông Q được tự mình liên hệ với cơ quan chức năng để thực hiện việc chuyển tên này; số tiền 2.800.000.000 (hai tỷ tám trăm triệu) đồng của ông Q mở và phong tỏa tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Thủ Thiêm được giải tỏa và chuyển đến số tài khoản số 65310000067518 của bà NTBV mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Thủ Dầu Một.

Ông Q chịu toàn bộ các chi phí phát sinh liên quan đến thực hiện thủ tục chuyển tên cổ phần giữa ông L, bà V với ông Q.

[5] Giao dịch ông LQKQ vay số tiền 31.000.000.000 (ba mươi mốt tỷ đồng) của ông DNH (DNH), bà LTKC do các bên tự giải quyết với nhau.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Q tự nguyện chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm ông Q phải chịu là 44.000.000 (bốn mươi bốn triệu) đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Q đã nộp là 70.500.000 (bảy mươi triệu năm trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0044387 ngày 27/4/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Q được nhận lại số tiền là 26.500.000 (hai mươi sáu triệu năm trăm ngàn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại

Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Đương sự;
- Cục THADS TP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Đức Toàn